

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 28.06.2017

Phiên bản 1.2

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	108325
Tên sản phẩm	Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	108-88-3

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Thuốc thử để phân tích, Sản xuất hóa chất
	Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp

ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 2, H225

Kích ứng da, Nhóm 2, H315

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần, Nhóm 2, Hệ thần kinh trung ương, H373

Độc tích sinh sản, Nhóm 2, H361d

Nguy cơ hô hấp, Nhóm 1, H304

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, Hệ thần kinh trung ương, H336

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.

H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

H315 Gây kích ứng da.

H336 Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

H361d Nghi ngờ gây tổn hại cho thai nhi.

H373 Có thể gây tổn thương các cơ quan (Hệ thần kinh trung ương) khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. Không hút thuốc.

P240 Tiếp đất/ liên kết tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P314 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.

Lưu trữ

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.

According to the criteria, the general hazard statement can be replaced by the hazard statement indicating only the property of concern, where either fertility or developmental effects are proven to be not relevant. See Annex VI, 1.2.3, General hazard statement not specifying the route of exposure as the necessary information is not available. See Annex VI, 1.2.2

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

H361d Nghi ngờ gây tổn hại cho thai nhi.

Các lưu ý phòng ngừa

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Số CAS

108-88-3

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức	C ₆ H ₅ CH ₃	C ₇ H ₈ (Hill)
Số EC	203-625-9	
Khối lượng mol	92,14 g/mol	

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS	Số đăng ký	Phân loại
toluene (<= 100 %)		
108-88-3	*)	Chất lỏng dễ cháy., Nhóm 2, H225 Kích ứng da, Nhóm 2, H315 Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần, Nhóm 2, H373 Độc tích sinh sản, Nhóm 2, H361d Nguy cơ hô hấp, Nhóm 1, H304 Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, H336

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Tham vấn bác sĩ.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt vào: cẩn thận nếu nạn nhân nôn ra. Rủi ro hít vào! Giữ lỗ thông gió thông thoáng.
Gọi bác sĩ ngay lập tức. Có thể bị suy hô hấp sau khi hít phải chất nôn mửa.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

các ảnh hưởng gây kích ứng, Đau đầu, Buồn ngủ, Chóng mặt, Buồn nôn, Nôn mửa, say rượu, Co giật, tình trạng lơ mơ, Nghén tuần hoàn máu, Rối loạn CNS, liệt hô hấp, ngưng thở, Bất tỉnh, tử vong

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Bọt, Carbon diôxít (CO₂), Bọt khô

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Chú ý tới ngọn lửa cháy lùi.

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí ở nhiệt độ môi trường.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Di chuyển bình chứa khỏi nơi nguy hiểm và làm mát bằng nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nguy cơ nổ.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Sử dụng cẩn thận vật chất hấp thụ chất lỏng (ví dụ: Chemisorb®). Vứt bỏ đúng cách. Vệ sinh khu vực bị ảnh hưởng.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ

Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Để xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

toluene (108-88-3)

VN OEL	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):	100 mg/m ³
	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):	300 mg/m ³

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Viton (R)
Độ dày của găng:	0,70 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Viton (R)
Độ dày của găng:	0,70 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 890 Vitoject® (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 890 Vitoject® (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thủng được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác

Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện và chống cháy.

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc A (theo DIN 3181) cho hơi của các hợp chất hữu cơ

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Nguy cơ nổ.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 108325
Tên sản phẩm Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Hình thể	thể lỏng
Màu sắc	không màu
Mùi đặc trưng	đặc tính
Ngưỡng mùi	0,2 - 68,6 ppm
Độ pH	Không áp dụng được
Điểm nóng chảy	-95 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	110,6 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	4 °C ở 1.013 hPa
	Phương pháp: c.c.
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	1,1 %(V)
Giới hạn trên của cháy nổ	7,1 %(V)
Áp suất hóa hơi	29 hPa ở 20 °C
Tỷ trọng hơi tương đối	3,18
Mật độ	0,87 g/cm ³ ở 20 °C

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	108325
Tên sản phẩm	Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	0,52 g/l ở 20 °C
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: 2,65 (thử nghiệm) IUCLID) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	Có thể chưng cất trong trạng thái chưa phân hủy ở áp suất thường.
Độ nhớt, động lực	0,6 mPa.s ở 20 °C
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	không

9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy	535 °C Phương pháp: DIN 51794
Độ nhớt, động học	0,7 mm ² /s ở 20 °C
Tính dẫn	< 0,01 μS/cm

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

10.2 Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Rủi ro nổ với:

axit sulfuric bốc khói, Axit nitric, bạc, perchlorat, nitơ đioxit, halides phi kim, axit axetic, hợp chất halogen-halogen, urani hexafluorua, hợp chất nitro hữu cơ

Có thể phản ứng mạnh với:

Axit mạnh, Các chất oxy hóa mạnh

lưu huỳnh, với, Nhiệt

10.4 Các điều kiện cần tránh

Làm ấm.

10.5 Các vật liệu xung khắc

cao su, đồ nhựa khác nhau

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

không có thông tin

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng

LD50 Chuột: 5.580 mg/kg

Được thử nghiệm theo Hướng dẫn 92/69/EEC

Triệu chứng: Buồn nôn, Nôn mửa

Độc tính cấp do hít phải

LC50 Chuột: 25,7 mg/l; 4 h ; hơi

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403

Triệu chứng: Các triệu chứng đau rát ở đường hô hấp.

hấp thụ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Độc tính cấp qua da

LD50 Thỏ: 12.124 mg/kg

(ECHA)

hấp thụ

Kích ứng da

Thỏ

Kết quả: Gây kích ứng

(ECHA)

Phơi nhiễm nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây kích ứng da và viêm da do đặc tính tẩy nhờn của sản phẩm.

Gây kích ứng da.

Kích ứng mắt

Thỏ

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

(ECHA)

Nhạy cảm

Thông tin này không có sẵn.

Biến đổi tế bào gốc

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể

Kiểm tra quang sai nhiễm sắc thể

Chuột

i.p.

Tủy xương

Kết quả: Âm tính

(ECHA)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm

Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm

Thử nghiệm ung thư hạch bạch huyết trên chuột

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 476

Xét nghiệm Ames

Kết quả: Âm tính

(Lít)

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

Ảnh hưởng CMR

Độc tính gây quái thai:

Nghi ngờ gây tổn hại cho thai nhi.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

Các cơ quan đích: Hệ thần kinh trung ương

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Có thể gây tổn thương các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Các cơ quan đích: Hệ thần kinh trung ương

Nguy cơ hô hấp

Nguy cơ hô hấp, Hít phải có thể gây ra viêm hoặc phù phổi.

11.2 Thông tin khác

Ảnh hưởng hệ thống:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Sau khi hấp thụ lượng lớn:

Đau đầu, Nôn mửa, Buồn nôn, Chóng mặt, Rối loạn CNS, say rượu, Co giật, Nghén tuần hoàn máu, liệt hô hấp, ngưng thở, Bất tỉnh, tử vong

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Chất này phải được xử lý một cách đặc biệt thận trọng.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Độc đối với cá

LC50 *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng): 5,8 mg/l; 96 h

(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

EC50 *Daphnia magna* (Bọ nước): 6 mg/l; 48 h

(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

NOEC *E.sulcatum*: 456 mg/l; 72 h

IUCLID)

Độc đối với tảo

IC50 *Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục): 12 mg/l; 72 h

(Lit)

Độc tính đối với vi khuẩn

EC50 *Photobacterium phosphoreum* (Vi khuẩn phát huỳnh quang): 20 mg/l; 30 min

(Lit)

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học

69 - 81 %; 5 d; hiếu khí

APHA NO. 219

(ECHA)

Dễ phân huỷ sinh học.

Nhu cầu oxy trên lý thuyết (ThOD)

3.130 mg/g

(Lit)

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

log Pow: 2,65

(thử nghiệm)

IUCLID) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Phân bố trong các môi trường khác nhau

Hấp thụ/Đất

log Koc: 2,15

(thử nghiệm)

Biến đổi vừa phải trong đất (Lít)

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có đánh giá PBT/vPvB vì đánh giá an toàn hóa chất không bắt buộc/không được tiến hành.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Hằng số Henry

683 Pa*m³/mol

(Lít) Thường phát tán trong không khí.

Cần tránh thải loại vào môi trường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bồn giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 1294
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	TOLUENE
14.3 Hạng	3
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	--
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	D/E

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

14.1 Số UN	UN 1294
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	TOLUENE
14.3 Hạng	3
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	--

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	108325
Tên sản phẩm	Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng không

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN	UN 1294
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	TOLUENE
14.3 Hạng	3
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	--
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
EmS	F-E S-D

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC
Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia

Lớp cất giữ 3

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H225	Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
H304	Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.
H315	Gây kích ứng da.
H336	Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.
H361d	Nghi ngờ gây tổn hại cho thai nhi.
H373	Có thể gây tổn thương các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.

H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

H315 Gây kích ứng da.

H336 Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

H361d Nghi ngờ gây tổn thương khả năng sinh sản hoặc thai nhi.

H373 Có thể gây tổn thương các cơ quan (Hệ thần kinh trung ương) khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Các lưu ý phòng ngừa

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

108325

Tên sản phẩm

Toluene for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur

Biện pháp phòng ngừa

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. Không hút thuốc.

P240 Tiếp đất/ liên kết tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P314 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.

Lưu trữ

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.

Nhãn EC

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.